



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ PHÒNG THÔNG TIN - VĂN HÓA

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84-4-831-4580 -- Fax: 84-4-831-4601

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ, THÁNG 3/2002 GIÁO DỤC NHÂN QUYỀN

ĐÀO TẠO NHÂN QUYỀN TRÊN PHẠM VI QUỐC TẾ *Michael E. Hartmann*

Nhận thức của thế giới về vấn đề nhân quyền xuất phát từ các chương trình đào tạo được bảo trợ có quy mô lớn. Trong các chương trình này, các giảng viên có trình độ từ các nước phát triển đến các nước kém phát triển hơn, các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi hoặc vừa trải qua xung đột. Trong bài báo này, ông Michael E. Hartmann, một Công tố viên Quốc tế của Tòa án tối cao Kosovo, làm việc cho phái đoàn Liên Hợp Quốc tại Kosovo, đã đưa ra những đề xuất chủ yếu cho những người tổ chức các chương trình đào tạo nhân quyền quốc tế.

Các chương trình đào tạo này có rất nhiều mục tiêu. Bài báo tập trung đề cập đến vấn đề đào tạo các thẩm phán, công tố viên, luật sư và cảnh sát. Đồng thời, bài viết cũng đề cập đến việc đào tạo quyền con người có liên quan đến vấn đề giam giữ, bắt bớ, điều tra và xử án, cũng như hệ thống tòa hình sự từ quá trình bắt giữ của cảnh sát đến các bản án của tòa. Do có nhiều quyền con người được bảo vệ thông qua việc cải cách các bộ luật tố tụng hình sự, nên vấn đề đào tạo luật pháp cũng được đề cập đến.

Một giảng viên về quyền con người phải tôn trọng nền văn hóa pháp luật và luật lệ của một quốc gia bằng việc giành thời gian và công sức chuẩn bị mô hình và phương thức tổ chức cho từng chương trình đào tạo. Điều này đòi hỏi phải có hiểu biết sâu sắc về đất nước đó, hoặc thông qua những người đang sống ở nước này, hoặc bằng cách đến đất nước đó từ trước và dần điều chỉnh các phương pháp cũng như tài liệu giảng dạy.

AI TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NHÂN QUYỀN?

Người thực hiện các chương trình đào tạo nhân quyền bao gồm những người đến từ nhiều nước phát triển và được các nước này tài trợ. Những nước này có Hoa Kỳ, thông qua Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp. Ngoài ra còn có các thành viên của Liên minh châu Âu (EU), các tổ chức khu vực ví dụ như Hội đồng châu Âu (CoE), Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE). Các tổ chức quốc tế ví dụ như Liên Hợp

Quốc quản lý các chương trình đào tạo nhân quyền thông qua một số cơ quan chuyên môn như Văn phòng Cao uỷ Liên Hợp Quốc về Nhân quyền (OHCHR), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và các chương trình do UNIFEM tài trợ, cũng như thông qua một số nhân viên nhân quyền của các phái bộ gìn giữ hòa bình.

Danh sách còn bao gồm rất nhiều tổ chức phi chính phủ (NGOs) tổ chức các khóa đào tạo nhân quyền, ví dụ như nhóm Luật Nhân quyền Quốc tế, Tổ chức Ân xá Quốc tế, Tổ chức Theo dõi Nhân quyền, ABA - CEELI và các tổ chức khác.

CÁC KHÓA ĐÀO TẠO NHÂN QUYỀN ĐƯỢC TỔ CHỨC Ở ĐÂU VÀ NHỮNG AI THAM DỰ?

Các khóa đào tạo nhân quyền ban đầu chỉ diễn ra ở những nước đang trong quá trình chuyển đổi từ chế độ chuyên chế, bao gồm những nước vừa trải qua xung đột, những nước mới thành lập từ Liên bang Nam Tư cũ, những nước mới độc lập (NIS) tách ra từ Liên bang Xô Viết trước đây và nhiều nước khác.

Trong các quốc gia này, bộ máy tư pháp - các thẩm phán, công tố viên - và luật sư - cảnh sát sẽ là những người được tham dự các khóa đào tạo. Tuy nhiên, trong các khóa học cũng sẽ có các chuyên gia khác, ví dụ như các cán bộ đào tạo, các thẩm phán phụ trách những vụ án nhỏ (về mặt chuyên môn không phải là các thẩm phán theo tiêu chuẩn quốc tế độc lập và những người không giải quyết các vụ án hình sự) và nhân viên của các tổ chức phi chính phủ.

Các học viên quốc tế khác có khả năng giám sát hoặc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tư pháp đều có thể tham dự các khóa đào tạo. Ví dụ, tại Kosovo, các học viên quốc tế được Phái đoàn Liên Hợp Quốc chỉ định với tư cách là các thẩm phán và công tố viên để thực hiện các chức năng này trong hệ thống tòa án tại địa phương. ở Đông Timo và Sierra Leone, họ cũng tiến hành những công việc tương tự trong các phiên tòa đặc biệt tại ở các quốc gia này chỉ nhằm xét xử các tội phạm chiến tranh và các tội danh đặc biệt khác. Các học viên này phải biết các viên chức địa phương đang được đòi hỏi như thế nào và về phần mình, họ cũng có thể phản ánh lại với các giảng viên về các vấn đề nhân quyền được áp dụng đối với nền văn hóa pháp lý và luật pháp của địa phương.

NỘI DUNG VÀ BẢN CHẤT CỦA VIỆC ĐÀO TẠO LÀ GÌ?

Nhiều trường hợp, các giảng viên chuẩn bị bài giảng ở nước họ mà không có sự điều chỉnh hợp lý cho phù hợp với tình hình quốc gia mà họ sẽ đến và phù hợp với cử tọa mà họ sẽ trình bày. Tôi nhớ lại có lần ngồi trên xe buýt với một công tố viên người Bosnia năm 1997 sau khi dự khóa học đầu tiên của họ kể từ khi chiến tranh nổ ra. Anh ta phàn nàn về một giảng viên của một tổ chức chính phủ châu Âu giảng bài rất trôi chảy nhưng lại không hề có liên hệ nào với thực tế công tố ở Bosnia. Một công tố viên nói: “Anh có nhận thấy người này không hề đề cập đến từ Bosnia lấy một lần trong 30 phút? Thậm chí không ai trong số họ hỏi một câu hỏi nào về hệ thống pháp lý ở đây, hay hỏi về những vấn đề của chúng tôi”..

Trước khi một giảng viên nhân quyền tiến hành chương trình đào tạo, người này phải tìm hiểu đất nước đó hoạt động như thế nào. Sau đó, họ phải phác thảo một chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của nước này. Dưới đây là một số chỉ dẫn mà các giảng viên nhân quyền cần kiểm tra trước khi đưa ra một chương trình như vậy.

THÁI ĐỘ ỨNG XỬ

Trước khi bắt đầu chương trình đào tạo, người giảng viên phải suy nghĩ về nguyên nhân tại sao lại có những hiện tượng vi phạm nhân quyền. Đôi khi giai đoạn chuẩn bị kỹ lưỡng này bị bỏ qua và người giảng viên giả sử rằng, ví dụ, cảnh sát có thái độ thô bạo, hoặc công tố viên hay thẩm phán nhận hối lộ. Trong khi ở một vài nước cũng có hiện tượng cảnh sát thô bạo và cảnh sát, quan chức tòa án nhận hối lộ, thì cần phải xem xét những lý do dẫn đến những hành động này.

Một cảnh sát có lần nói với tôi, “... tất nhiên là chúng tôi có đánh họ. Nếu không, thưa giáo sư Michael, làm sao chúng tôi có thể bắt họ khai báo? Và nếu không có lời khai, làm sao chúng tôi có thể kết tội họ? Chúng tôi không giống người phương Tây, ở Hoa Kỳ, họ có các biện pháp pháp lý khác lạ và việc thử DNA, trong khi ở đây chúng tôi chỉ có thể cử đội ngũ cán bộ tội phạm học để cố lấy dấu vân tay cho khoảng gần 5 phần trăm các vụ án giết người và hiếp dâm. Tình trạng tương tự cũng xảy ra trong việc bắt bớ trái phép các thành viên của gia đình, thường là phụ nữ và bỏ tù họ nhằm bắt người đàn ông bị nghi vấn của gia đình để họ tự đến tự thú ở đồn cảnh sát; vì ở đây không có hệ thống cho phép bắt người tự động.

Ở nhiều nước đang phát triển, ít nhất thì cũng hiểu được điều kiện làm việc và lương trả cho cảnh sát, thậm chí các thẩm phán và công tố viên, chính là nguyên nhân thúc đẩy họ nhận hối lộ hoặc quà tặng. Ví dụ, các cảnh sát và các sĩ quan tuần tra chính thức phải làm việc 24 tiếng một ngày. Ở Lahore, Pakistan, chín công tố viên làm việc cho một bồi thẩm đoàn cấp quận trong các vụ án nghiêm trọng phải chung nhau một căn phòng nhỏ và một chiếc bàn làm việc, họ phải đọc hồ sơ ở bên ngoài trên những chiếc ghế gấp. Lương trả cho cảnh sát ở Yemen, Pakistan, Tanzania và Ấn Độ thấp đến nỗi mà cả những nhân viên trung thực nhất phải hạ mình hay nhận hối lộ. Ở Kosovo, một công tố viên cấp quận phải bỏ việc vì anh ta không thể nuôi nổi gia đình bằng đồng lương thấp hơn mức mà Liên Hợp Quốc trả cho những người phiên dịch địa phương.

Động cơ. Bên cạnh việc giải quyết những tranh luận về vấn đề đạo đức và pháp lý có liên quan đến vấn đề vi phạm nhân quyền, các giảng viên phải giải quyết được nhu cầu về các biện pháp lấy cung, trong quá trình giải quyết vụ án. Đặc biệt, điều này đòi hỏi cần tiến hành đào tạo nghiệp vụ pháp lý và các biện pháp tâm lý trong quá trình tra hỏi, cũng như cần có sự hỗ trợ nhiều hơn nữa đối với việc đào tạo cảnh sát và chia sẻ thông tin. Bên cạnh đó, cũng cần có nhu cầu trang thiết bị cho các tòa án và các trung tâm lưu trữ chứng cứ và dấu vân tay được tự động kiểm tra khi có các cuộc chặn hỏi hay bắt giữ trên toàn quốc.

Nhiều hệ thống luật hình sự dân sự theo kiểu châu Âu không thừa nhận “qui tắc loại trừ” (loại trừ chứng cứ thu thập bất hợp pháp) trừ khi người ta quyết định các chứng cứ thu thập được không có giá trị tin cậy hoặc những chứng cứ này có được trong các cuộc ép cung. Sau khi qui tắc loại trừ được áp dụng ở Hoa Kỳ, thống kê cho thấy chỉ có một phần nhỏ các vụ án thực sự bị ảnh hưởng, dẫn đến hậu quả không phá được các vụ án do chứng cứ đã bị loại ra. Kể từ khi Luật Miranda được thông qua ở Hoa Kỳ (cho bị cáo quyền được im lặng hoặc có luật sư bào chữa) số lượng các cuộc khai báo đã giảm một cách tương đối và sau khi đào tạo cảnh sát về các kỹ thuật hỏi cung theo phương pháp tâm lý có thể chấp nhận được, số lượng các vụ án lấy được lời khai vẫn giữ nguyên, hoặc ở một vài trường hợp đã tăng lên rõ rệt.

Người ta khuyến khích việc sử dụng ghi hình và ghi âm các cuộc hỏi cung nhằm ngăn chặn việc buộc tội sai lệch do thái độ thô bạo của cảnh sát. Cách thức này đã được sử dụng thành công tại Hoa Kỳ và một số nơi khác. Những lời khai được ghi âm có tác động tích cực do các thẩm phán và công tố viên thấy được lợi ích khi có trong tay những lời khai được ghi âm.

Việc sử dụng các biện pháp trừng phạt đối với việc cảnh sát, công tố viên và thẩm phán vi phạm nhân quyền cũng nên được giải quyết theo hướng cần phải tìm hiểu rõ động cơ dẫn đến những hành động như vậy. Quá trình này thường kết thúc thông qua sự hỗ trợ của các tổ chức chuyên môn với mục đích tạo ra hoặc khơi gợi lại lòng tự hào nghề nghiệp, với những quy tắc về đạo đức và kỷ luật tự đào tạo, tự vươn lên. Quá trình này nên kết hợp với một tổ chức độc lập nhằm điều tra các vụ bắt người và những cái chết có liên quan đến cảnh sát và bất cứ cái chết nào trong quá trình giam giữ, một vai trò do các công tố viên và các uỷ ban độc lập của Hoa Kỳ đảm nhiệm.

Đôi khi, người ta có thể sử dụng những giá trị hiện có để củng cố việc tuân thủ những tiêu chuẩn về nhân quyền và nhu cầu áp dụng các biện pháp trừng phạt kỷ luật như vậy. Ví dụ, tại Yemen, các sinh viên trường cảnh sát phải biểu diễn những động tác từ chối trong một bài giảng về các công cụ và tiêu chuẩn nhân quyền. Tuy nhiên, sinh viên đã thay đổi hẳn thái độ khi bài giảng đề cập đến giá trị của danh dự và danh dự của một cảnh sát sẽ mất đi khi nhiều kẻ mạnh đánh kẻ yếu, chứ không phải là bảo vệ họ và việc bao che cho một đồng nghiệp cảnh sát tránh những hậu quả của việc đánh mất danh dự sẽ làm mất danh dự của cả lực lượng cảnh sát. Cách giảng dạy này tỏ ra có hiệu quả hơn trong việc thúc đẩy các cảnh sát, những người muốn coi họ là những chiến binh danh dự chống lại tội phạm, so với việc chỉ đơn thuần nêu ra bản chất của các tiêu chuẩn nhân quyền.

Lòng tin. Việc đánh giá quá cao vụ án nào cũng có tác động tai hại trong việc phá hoại lòng tin và sự cân bằng các giá trị chung. Điều này xảy ra khi trao quá nhiều quyền hạn nói chung mà không tập trung vào những điều quan trọng nhất đối với xã hội. Những sai lầm này một mặt có thể chia thành những sai lầm do không hiểu đúng các trường hợp thực tế và những sai lầm do những thông tin không đầy đủ và thiếu kinh nghiệm về thực tế tòa án và cảnh sát thông thường, mặt khác được chia thành những sai lầm do không hiểu đúng các tiêu chuẩn về nhân quyền được áp dụng trong các trường hợp không quen thuộc.

Tại Bosnia, Ai Cập, Ấn Độ và Yemen, so với những nơi khác, tôi có nghe những người hoạt động nhân quyền cho rằng việc trì hoãn quá trình xét xử các vụ án hình sự chính là sự vi phạm quyền được “xét xử nhanh chóng” hoặc “xét xử trong một thời gian thích hợp”. Mặc dù những người này không tranh luận với các uỷ viên công tố và các thẩm phán có liên quan về lý do của việc trì hoãn và đơn giản là không chấp nhận những giải thích theo kiểu những lời “bào chữa”. Trong khi đưa ra lập luận cho rằng việc thiếu các nguồn lực, căn bệnh chậm chạp cố hữu và những thủ tục pháp lý phức tạp là sự vi phạm nhân quyền trên thực tế, lập luận đó không thuyết phục và thực tế, tỏ ra phản tác dụng khi có quá nhiều khu vực khác rõ ràng đã vi phạm nhân quyền.

Sự tôn trọng. Các giảng viên về nhân quyền phải biết được sự giống và khác nhau trong lĩnh vực pháp lý giữa nước họ và nước chủ nhà. Mặt khác, sự khác biệt có tính hệ thống tổng quát có thể ảnh hưởng đến những giả thiết lấy quốc gia làm trọng tâm gây ra các nhầm lẫn không ngờ tới có thể làm mất đi sự quan tâm của người nghe. Nhu cầu nhận biết được những đặc điểm cụ thể và khả năng sẵn sàng học hỏi những

thủ tục cụ thể của nước đó cũng rất quan trọng. Họ cũng không nên suy đoán rằng hệ thống luật dân sự của nước tổ chức khóa đào tạo hoàn toàn giống hoặc gần giống với hệ thống luật của đất nước họ. Trong lĩnh vực này, các giảng viên cần xác định được bản chất của văn hóa pháp luật của nước chủ nhà. Để giải quyết vấn đề này cần phải chuẩn bị trước thông qua việc nghiên cứu, đặt câu hỏi cũng như lắng nghe những người đang ở nước này và có thể giải đáp những câu hỏi đặt ra.

Ví dụ, trong một vài hệ thống luật dân sự, uỷ viên công tố và luật sư phải xin phép tòa án trước khi đặt ra các câu hỏi trực tiếp đối với các nhân chứng và có thể đơn giản đưa ra các câu hỏi đối với thẩm phán, người có quyền tự do nhắc lại các câu hỏi này đối với nhân chứng. Gia đình hoặc thân nhân của người chết cũng có thể tham dự hoặc uỷ quyền cho luật sư tham dự trong suốt quá trình xét xử hình sự. Nếu uỷ viên công tố không xét xử được vụ án, họ có thể phải chịu trách nhiệm về quá trình tố tụng. Bị cáo có thể được phép kiểm tra trực tiếp nhân chứng. Trong hầu hết các hệ thống luật dân sự, bị cáo không phải tiến hành thủ tục thể trước tòa. Thậm chí cụm từ thông dụng như “bị đơn” cũng thường được dịch là “bị cáo” và ở một số nước, cụm từ “người bị tình nghi” lại không phải là một từ khác biệt so với từ “bị đơn” khi ra tòa.

Các giảng viên đôi khi nhầm lẫn các nguyên tắc của hệ thống pháp luật nước họ với các tiêu chuẩn về nhân quyền và họ cứ mặc nhiên áp dụng vào nước chủ nhà. Đây là một sai lầm kép: các nguyên tắc của nước họ không hoàn toàn là các nguyên tắc của nhân quyền (mặc dù chúng đều có chung một mục đích là bảo vệ quyền của bị cáo), đồng thời hệ thống pháp luật của nước chủ nhà phải được kiểm chứng một cách nghiêm túc, hoặc hiện tượng vi phạm có thể xảy ra khi không tồn tại hệ thống này.

Ví dụ, tại Liên bang Nam Tư cũ, các giảng viên về nhân quyền đã bị sốc khi phát hiện thấy rằng hầu như không có sự hạn chế hay việc giám sát thái độ và cách thức hỏi cung của cảnh sát đối với những người bị tình nghi, ví dụ như các quyền dọa dẫm và tư vấn. Tuy nhiên, các giảng viên cũng không hiểu rằng đó là vì luật pháp cũng không cho phép bất kỳ lời khai nào với cảnh sát được sử dụng làm chứng cứ để kết tội trước tòa, do đó hệ thống này đã có ý nghĩa, ngay cả khi giả định những lời khai với cảnh sát hoàn toàn không đáng tin cậy để sử dụng làm bằng chứng kết tội. Những yêu cầu duy nhất về mặt luật pháp trong bộ luật tố tụng hình sự là hạn chế về thời gian, theo đó người bị bắt giam phải được thẩm vấn, xét hỏi và cấm không được “bóp méo lời khai của bị cáo”. Bộ luật hình sự cũng nghiêm cấm việc lấy cung bằng bạo lực, dọa dẫm, hoặc bất cứ một hình thức bất hợp pháp nào khác.

Chỉ dẫn. Các giảng viên nhân quyền thường rất quen với các tục lệ, tiêu chuẩn và hướng dẫn về quyền con người và đối với hệ thống luật pháp, là những điều có liên quan đến quyền của bị cáo. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là các giảng viên nhân quyền phải hiểu được những công cụ quốc tế khác có khả năng giải quyết được quyền của các nạn nhân, cũng như hiểu được các nguyên tắc quan trọng và vai trò của các bên có liên quan - các quan tòa, cảnh sát, uỷ viên công tố và bồi thẩm đoàn.

Uy tín của một giảng viên có hiểu biết về các nguyên tắc và chuyên môn của những người tham dự khóa học sẽ giúp họ nhận được sự tôn trọng đáng kể. Một trong những chỉ trích các giảng viên, đôi khi khá công bằng, là việc tập trung quá nhiều vào quyền của các bị cáo mà lại không tập trung vào các nhu cầu tư pháp cho các nạn nhân, hay tính thực thi và có hiệu quả của việc thi hành luật.

Yêu cầu. Hầu hết các nước có các khóa đào tạo về nhân quyền đều gặp phải những vấn đề tương tự như ở các nước phát triển hơn - nhưng với mức độ nghiêm trọng hơn và bình diện lớn hơn. Ví dụ, cảnh sát và các quan tòa thường thiếu không gian, thiết bị, nhân sự, giáo dục và đào tạo tại chức thiết yếu, nên cần phải có nhu cầu hiện đại hóa và thay thế. Các giảng viên về nhân quyền thường đến từ những nước có nguồn nhân lực và ngân sách lớn. Khi họ đến một nước khác, họ thường cố áp đặt những tiêu chí nhân quyền cao nhất. Không may là nước chủ nhà thường không thể đáp ứng được những yêu cầu về nguồn nhân lực và tài chính lớn hơn.

Do đó, người giảng viên nhân quyền nên nhận thức được và hiểu rõ bài giảng của mình về những vấn đề được tiếp thu thông qua việc sử dụng các tiêu chuẩn tối thiểu về nhân quyền. Nhu cầu đào tạo về các tiêu chuẩn nhân quyền tối thiểu không chỉ xuất phát từ nhu cầu về sự cân bằng, mà còn bởi vì việc kỳ vọng vào các tiêu chuẩn cao hơn có thể bị chính phủ của nước chủ nhà cho là không thực tế vào thời điểm đó, do vậy họ sẽ phản đối. Tương tự, các giảng viên về nhân quyền cũng cần phải lựa chọn phương pháp và thứ tự ưu tiên. Họ cũng phải quyết định ba vấn đề quan trọng nhất, hầu như chắc chắn sẽ được nền văn hóa pháp luật của nước đó chấp nhận và sẽ dẫn đến một số thay đổi. Điều này cần phải được nhấn mạnh cùng với ba vấn đề bổ sung về một khả năng lâu dài hơn. Phương pháp thuyết phục này thường nâng cao uy tín của giảng viên.

Một yêu cầu khác đối với giảng viên về nhân quyền là cần phải nhận thức rõ, những công cụ nhân quyền nào cho phép các phương pháp và đòi hỏi cụ thể của các cá nhân bị ảnh hưởng bởi hành động của quốc gia, cũng như các công cụ nào đòi hỏi nghĩa vụ của các nước đã ký kết hiệp ước có thể bị giám sát (ví dụ bằng việc kiểm tra các báo cáo của các quốc gia), nhưng lại không thực hiện được.

Thủ tục áp dụng của Ủy ban Nhân quyền châu Âu là một trong những biện pháp có hiệu quả và tiên tiến nhất trong số các cơ chế tòa án quốc tế đối với các cá nhân tin rằng họ đã phạm pháp căn cứ vào quyết định của các tòa án trong nước (không chỉ là các bị cáo mà còn là các nạn nhân). Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo cho các bồi thẩm đoàn biết cách kiến nghị giảm nhẹ hình phạt trong khuôn khổ Ủy ban Nhân quyền châu Âu (chỉ áp dụng đối với các nước thành viên của Ủy ban và các nước đã ký các Nghị định thư), thì giảng viên đó có thể sử dụng các án tiền lệ của Ủy ban này.

Tính công bằng. Nhiều tiêu chuẩn nhân quyền được đưa ra nhằm mục đích hướng dẫn và kết hợp các nguyên tắc. Các thuật ngữ nhân quyền quốc tế và khu vực cần có ý nghĩa chung, bởi vì những nguyên tắc này không nhằm mục đích lựa chọn cơ chế nhà nước nào thích hợp hơn; có nhiều cơ chế quốc gia khác nhau phải phù hợp với khuôn khổ này. Theo đó, các tiêu chuẩn về nhân quyền hiếm khi mang tính cụ thể, cho dù đã đến lúc phải có những hạn chế trong việc bắt giữ và cần có những thủ tục cụ thể.

Một giảng viên nhân quyền phải nắm rõ ai và thẩm quyền nào cho phép đưa ra các quy định cụ thể. Ví dụ, người ta có thể hỏi một giảng viên “Sau khi bắt người, cảnh sát có thể giữ người đó trong bao lâu trước khi tòa tiến hành xử án?”. Các học viên người địa phương tham dự các khóa đào tạo nhân quyền xứng đáng được nhận sự tôn trọng và được hưởng sự công bằng, họ cũng nên được thông báo về nguồn gốc thẩm quyền của giảng viên cho phép họ lựa chọn mức độ tin cậy đối với thẩm quyền đó. Ví dụ, nơi có thẩm quyền chính là các quyết định của Tòa án Ủy ban Nhân quyền châu Âu ở Strasbourg; các chuyên viên độc lập của Ủy ban nhân quyền do các quốc gia bổ nhiệm làm việc ở ICCPR; Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về Nhân quyền; CoE, OSCE HR, Tổ chức Ân xá Quốc tế, Tổ chức Theo dõi Nhân

quyền, hoặc cá nhân các giáo sư luật và các chuyên viên nhân quyền khác, mỗi nhóm đều có lập trường và quan điểm riêng?

Người ta không nên thừa nhận các quy định cụ thể không có sự uỷ nhiệm bởi vì người ta tin rằng đó là những quy định tốt nhất hoặc bởi vì nước được tham khảo sử dụng những quy định cụ thể này trong các cơ chế luật pháp. Tại Kosovo, tôi đã chứng kiến một số luật sư về nhân quyền cho rằng thời gian trước khi một người bị bắt được đưa ra tòa xét xử là 48 tiếng đồng hồ. Điều này dựa trên cơ sở việc lựa chọn những gì họ cho là tiêu chuẩn và dựa trên những gì các nước châu Âu thực hiện theo luật pháp của những nước này, mặc dù không nêu được cụ thể là nước nào.

Mặc dù đây là một câu trả lời ít cụ thể và dài hơn, nhưng tốt hơn và chính xác hơn về mặt luật pháp khi nói rằng “Ủy ban Nhân quyền châu Âu tại điều 5 (3) và ICCPR tại điều 9 (3) quy định một người bị bắt phải được xét xử ngay. Tòa án Ủy ban châu Âu quy định rằng thời gian 4 ngày và 6 giờ là quá nhiều đối với các vụ án khủng bố, nhưng trong các trường hợp khác, Tòa án Strasbourg lại quy định rằng 4 ngày là quá dài đối với quá trình xét xử vụ án hình sự thông thường, mặc dù người ta đã đưa ra quyết định ngược lại trong một vụ án trước đó”. Broganv. UK, (1989), 11 EHRR 117; Brincatv. Italy, (1993) 16 EHRR 591; Xv. Netherland, Appl.1894/66 (1966) 9 Yearbook 564; Eguev. France, 57 DR 47 at 70 (1988) (4 ngày về “nguyên tắc” có thể chấp nhận được). So sánh với quyết định “48 giờ” của những người ủng hộ nhân quyền, câu trả lời chính xác hơn này tỏ ra tôn trọng các quan tòa địa phương và luật sư hơn bởi vì câu trả lời này cung cấp cho họ tất cả thông tin có thể dùng và cho phép họ đưa ra quyết định của riêng mình.

Người ta không thể thừa nhận rằng việc vi phạm một tiêu chuẩn nhân quyền đòi hỏi phải có sự trừng phạt hoặc một biện pháp sửa chữa nghiêm túc nhất, mặc dù người ta thích biện pháp này hơn và tin rằng đó là cách thức hiệu quả nhất ngăn chặn hành động. Nếu luật pháp quốc gia cho phép việc sử dụng các chứng cứ bất hợp pháp, thì các chứng cứ đó, nếu tin cậy được, vẫn được phép sử dụng khi xét xử theo tiêu chuẩn nhân quyền mà không cần có biện pháp xử lý hoặc không cho phép xét xử, căn cứ vào một số điều khoản bảo vệ.

Sự cân bằng. Các giảng viên nhân quyền có thể nhận được những phản hồi tích cực hơn từ những người thực hiện pháp luật, các công tố viên và thẩm phán nếu họ nhận thức được nhu cầu cân bằng hợp lý giữa việc bảo vệ bị cáo và bảo vệ nạn nhân cũng như xã hội. Phần lớn pháp luật và trên thực tế, các quy định cụ thể của các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế, được thống nhất sau nhiều cuộc thương lượng và có liên quan đến việc cân bằng những lợi ích này. Trong khi việc điều hòa phối hợp luôn có thể thực hiện được, rõ ràng trong một số vấn đề về thủ tục, hiệu quả thi hành luật pháp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi việc tăng cường bảo vệ bị cáo.

Nhu cầu tập trung vào quyền lợi của các nạn nhân ngày càng tăng lên, ví dụ như vấn đề bạo lực giới tính nhằm vào phụ nữ và trẻ em. Đặc biệt trong bối cảnh của các phái đoàn gìn giữ hòa bình cũng như hoàn cảnh các nước vừa trải qua xung đột, vấn đề cân bằng giữa quyền con người của bị cáo với an ninh của các nạn nhân có thể dẫn đến việc áp đặt các tiêu chuẩn tối thiểu về nhân quyền. Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về các nguyên tắc pháp lý cơ bản đối với nạn nhân của tội phạm và việc lạm dụng quyền hạn đã khẳng định các quyền này, mặc dù không có các quy định cụ thể.

Tương tự như vậy, để giữ uy tín, người giảng viên phải ghi nhận những nỗ lực xây dựng các công cụ thủ tục đặc biệt để đảm bảo công tác điều tra và tố tụng đối với tội phạm có tổ chức, chủ nghĩa khủng bố, buôn người và ma túy, tội phạm chiến tranh và nỗ lực nhằm làm hài hòa những công cụ này với các tiêu chuẩn nhân quyền.

Vấn đề pháp chế. Trong một số trường hợp, người ta cũng đặt các câu hỏi đối với các giảng viên nhân quyền về việc thi hành các chế tài khắc phục. Tuy nhiên, không có mối nguy hiểm nào lớn hơn việc cố tình đưa ra các luật lệ ẩu. Việc can thiệp kể cả dưới danh nghĩa bảo vệ những quyền con người cơ bản nhất cũng phải được thực hiện một cách chuyên nghiệp, nếu không những tác hại tức thì sẽ trở thành những thiệt hại lâu dài đối với uy tín của vấn đề đào tạo trong tương lai.

Trong *Tạp chí Luật học*, John Austin viết rằng “Những gì thông thường được coi là khía cạnh kỹ thuật của vấn đề pháp chế thường khó hơn những gì quy định các tiêu chuẩn đạo đức. Nói cách khác, việc nhận thức luật lệ nào tốt hơn sẽ dễ hơn nhiều so với việc xây dựng một bộ luật có thể hoàn thành thiết kế của người làm luật”. Điều này có nghĩa là việc dự thảo luật không phải giành cho những người thật sự không chuyên. Trong số những tiền đề đối với việc cải cách pháp lý có hiệu quả mà tôi chứng kiến khi tính đến cả người có mặt và người vắng mặt:

Cả các nhân viên tư pháp địa phương và quốc tế cũng như cảnh sát đều có những nền tảng kinh nghiệm khác nhau: các nhân viên địa phương hiểu rõ các điều kiện xã hội và luật pháp của nước họ và các nhân viên quốc tế có quan điểm khách quan và có khả năng “suy nghĩ xa hơn”, chính xác là do họ không phải là một bộ phận của hệ thống pháp luật nước đó và do vậy, họ sẽ không chấp nhận những hạn chế hay các thủ tục bởi đó là cách mà họ vẫn thể hiện.

Bên cạnh nhu cầu về một nền pháp lý cân bằng trong đó tất cả quyền lợi pháp lý có liên quan đều có “chủ sở hữu”, thì nhu cầu và việc đấu tranh cho một bộ luật “hoàn thiện” có thể ngăn chặn việc thông qua bộ luật “tốt đẹp”. Trong khi pháp luật hiện hành và việc bảo vệ nhân quyền không được “tốt đẹp” và cuộc đấu tranh cho bộ luật “hoàn hảo” sẽ cản trở khả năng tiến hành cải cách pháp luật nhanh chóng và khi đó luật “tốt đẹp” cũng là đủ. Ví dụ, ở Bosnia, trong nội bộ nhóm chuyên viên quốc tế của CoE có sự mâu thuẫn trong vấn đề đề nghị cộng đồng quốc tế ủng hộ việc trì hoãn thi hành Luật Hình sự và các cải cách về thủ tục, bởi vì một thành viên trong nhóm không tin rằng các dự thảo luật có đủ hiệu lực trong việc bảo vệ nhân quyền, cho dù tất cả các thành viên đều đồng ý rằng các dự thảo này còn tốt hơn các bộ luật hiện hành. Quan điểm trái ngược đó rõ ràng đã trì hoãn cuộc cải cách thực sự, nhưng lập luận về bộ luật “tốt đẹp” đã thắng lập luận những muốn có luật “hoàn hảo”.

Xã hội dân sự. Các giảng viên nhân quyền cần phải nhấn mạnh với các nhóm khác nhau mà họ đang cùng làm việc rằng cần phải có những nỗ lực tập thể trong việc ủng hộ việc đào tạo; pháp lý cũng như bảo đảm nhân quyền trong thực thi pháp luật và các lĩnh vực pháp lý khác, bao gồm khả năng và việc sẵn sàng điều tra cũng như truy tố vấn đề lạm dụng nhân quyền, đặc biệt khi viên chức chính phủ và cảnh sát là những người vi phạm.

Ở Tanzania, các tổ chức phi chính phủ về vấn đề phụ nữ và nhân quyền, cảnh sát, công tố viên và thẩm phán thường thống nhất những kế hoạch chung nhằm xử lý, bàn bạc, điều tra, truy tố tội phạm tình dục và vấn đề bạo lực trong gia đình. Điều này dẫn đến sự thống nhất trong vấn đề tham khảo ý kiến giữa

cảnh sát, công tố viên và các tổ chức phi chính phủ nhằm tư vấn và hỗ trợ cho các nạn nhân. Các tổ chức phi chính phủ cũng đã đồng ý tư vấn cho các nạn nhân rằng việc liên hệ với cảnh sát và tòa án sẽ đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho họ. Các tổ chức phi chính phủ cũng đồng ý hỗ trợ cho các nạn nhân trong suốt quá trình tiến hành các thủ tục này. Giới báo chí cũng sẽ có nhiệm vụ giáo dục về biện pháp bảo vệ của các tổ chức phi chính phủ và vấn đề về bạo lực trong gia đình và cưỡng đoạt tình dục. Bằng cách này, những bộ phận riêng lẻ đã tạo nên lợi ích chung đáp ứng được tất cả các mục tiêu của họ.

Khi tổ chức một khóa đào tạo về nhân quyền cần phải nhận thức và nhắc nhở những tổ chức như các tổ chức phi chính phủ, hội luật sư, báo chí, thậm chí cả cảnh sát và các quan tòa về vấn đề lợi ích của nhân quyền trong cuộc đấu tranh nhằm tiến tới một xã hội dân sự có chức năng. Lợi ích của việc sống trong xã hội như vậy sẽ đặt ra những trách nhiệm tương ứng và với nỗ lực, nghị lực, tính kiên quyết và sẵn sàng hợp tác cũng như việc tìm ra những lợi ích chung thì trên thực tế có thể thu được những thay đổi tích cực.

Toàn văn bằng tiếng Anh có trên Internet tại:
<http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0302/ijde/hartmann.htm>